

Bản án số: 28/2024/HS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 860/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Ngô Hồng N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 453/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu, điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần là Trại tạm giam T30 - Công an Thành phố H (huyện C).

Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Luật sư Huỳnh Trọng N1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Bị cáo kháng cáo:

Ngô Hồng N; Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 3 N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn N2 và bà Ngô Thị H3; Bị cáo có chồng tên Phan Văn D và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/12/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 106/2021/HSST. Bị bắt, tạm giam từ ngày 31/7/2020 trong một vụ án khác (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3/2020, dịch bệnh Covid-19 bùng phát dẫn đến khan hiếm khẩu trang y tế. Thông qua mạng xã hội Facebook và Z, Ngô Hồng N quảng cáo có nguồn hàng khẩu trang y tế của hãng K1, Minh A với giá bán từ 8.000.000 đồng/thùng đến 11.000.000 đồng/thùng, mỗi thùng có 50 hộp, mỗi hộp có 50 cái còn khẩu trang y tế được N tính giá tùy theo loại 03 lớp hoặc 04 lớp kháng khuẩn và tùy theo hãng sản xuất. Phương thức giao dịch là sau khi thống nhất thỏa thuận số lượng và giá cả thì người mua sẽ đặt cọc cho N 50% giá trị lô hàng, trong thời gian từ 7 đến 10 ngày, N sẽ tiến hành giao hàng và nhận số tiền còn lại.

Trong thời gian đầu, N giao hàng đầy đủ nên tạo được niềm tin của khách hàng, tuy vậy từ ngày 08/3/2020 đến ngày 10/3/2020, giá khẩu trang y tế tăng lên từ 15.000.000 đồng/thùng đến 17.000.000 đồng/thùng, nhưng N không thông báo cho người mua biết việc khẩu trang tăng giá mà vẫn rao bán với giá cũ để người mua đặt cọc, chiếm đoạt tiền cọc của khách hàng rồi bỏ trốn, cụ thể như sau:

1. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Hương G (sinh năm 1989) và ông Nguyễn Văn D1 (sinh năm 1993):

Khoảng tháng 7/2019, thông qua chồng là ông Nguyễn Văn D1, bà Hương G quen biết với Ngô Hồng N và đến đầu tháng 3/2020, N cho biết có bán khẩu trang y tế với đặc điểm và giá cả như nêu trên. Do đang xảy ra dịch bệnh và nhiều người quen có nhu cầu mua khẩu trang để sử dụng nên ngày 02/3/2020, vợ chồng bà Hương G đã đặt mua của N tổng cộng 49 thùng khẩu trang y tế hiệu Minh A, số hàng này N đã giao đủ cho vợ chồng bà Hương G. Do tin tưởng N nên ngày 10/3/2020, bà Hương G đã tiếp tục đặt mua của N thêm 100 thùng khẩu trang y tế Minh A, trong đó 90 thùng giá 360.000.000 đồng (do lô hàng này người khác đặt nhưng bị trả về do lỗi ở dây đeo) và 10 thùng giá 72.000.000 đồng (là hàng chuẩn), bà Hương G đồng ý mua và đã chuyển vào tài khoản của N 100% giá trị lô hàng với tổng cộng số tiền là 432.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong, bà G đề nghị N giao hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng N nói hàng bị lỗi nên cần thời gian để khắc phục, đồng thời cho biết cơ quan y tế kiểm tra các máy móc ở xưởng nên hẹn bốn đến năm ngày sau mới giao hàng.

Ngày 11/3/2020, N liên lạc với ông D1 nói là có một khách hàng người Hàn Quốc tên “Jun” ký hợp đồng với N để mua 40 thùng khẩu trang y tế Khánh An với giá trị lô hàng là 360.000.000 đồng, N nói với khách người Hàn Quốc đã đặt cọc một phần tiền nhưng hiện N đang thiếu số tiền là 110.000.000 đồng thì mới đủ tiền để N lấy hàng giao cho ông này và hỏi mượn tiền của ông D1 để bù vào số tiền còn thiếu, rồi sau khi N giao hàng cho ông J sẽ chia lợi nhuận là 280.000.000 đồng thì ông D1 đồng ý nên ngày 12/3/2020, ông D1 đã chuyển tiền cho bà G rồi bà G chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của N số tiền 110.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà G đã liên hệ hỏi N về giao dịch này thì N đưa ra lý do khách chưa lấy hàng nên chưa trả tiền.

Ngày 13/3/2020, N tiếp tục nói với vợ chồng bà G là ông J đang đặt thêm 55 thùng khẩu trang y tế K2 với giá là 550.000.000 đồng, nếu N không kịp gom tiền để giao hàng thì ông ta sẽ hủy cả đơn hàng trước, đồng nghĩa với việc số tiền 110.000.000 đồng nói trên sẽ không thu hồi được và sẽ không có lời. N đề nghị vợ chồng và G cho mượn 50% giá trị lô hàng, tương đương số tiền 225.000.000 đồng để N lấy hàng về giao cho ông J, phần tiền lợi nhuận sẽ cộng dồn vào số tiền lời nói trên. Lúc này, vợ chồng bà G cho biết không đủ tiền nên chỉ chuyển cho N số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà Hương G vẫn tin tưởng N nên từ ngày 14/3/2020 đến ngày 19/3/2020 tiếp tục đặt mua nhiều loại hàng khẩu trang y tế và chuyển tiền đặt cọc cho N. Tổng cộng, vợ chồng bà G đã đặt mua của N 944 thùng khẩu trang y tế với giá 5.600.000.000 đồng, vợ chồng và G đã chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của N với tổng số tiền

1.078.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi chuyển tiền cho N thì vợ chồng bà G không nhận được hàng nên đề nghị N phải giao hàng theo đúng thỏa thuận, hoặc phải trả lại tiền đã đặt cọc. N đã liên tục hoãn thời gian giao hàng và nói đang kẹt tiền để nhận hàng về, rồi N lại mượn thêm ông D1 số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó, N tắt điện thoại, cắt đứt liên lạc với vợ chồng bà G và bỏ nhà đi.

2. Ông Đặng Minh K (sinh năm 1991):

Khoảng đầu tháng 3/2020, thông qua bạn bè là ông Nguyễn Văn D1 nên ông K quen biết với Ngô Hồng N và N giới thiệu đang làm việc trong kho của hãng khẩu trang K1 nên có thể cung cấp khẩu trang của hãng này với số lượng lớn. Đồng thời N đã giao cho ông K xem các giấy tờ liên quan gồm: Giấy chứng nhận, giấy kiểm định của Bộ Y..., rồi đưa ra giá bán, cách thức nhận cọc, cách thức nhận hàng như nêu ở phần trên. Ông K đồng ý mua và hẹn gặp N tại kho thiết bị trên đường N, quận B. Tại đây, ông K thấy trong kho đang có 40 thùng khẩu trang K nên đề nghị mua tất cả, đồng thời giao cho N số tiền 400.000.000 đồng vừa tiền mặt, vừa chuyển khoản rồi lấy hàng về và sau đó, ông K đặt mua thêm khẩu trang của N nhiều lần và đã được nhận hàng đầy đủ. Do tin tưởng nên từ ngày 17/3/2020 đến ngày 21/3/2020, ông K tiếp tục đặt mua thêm khẩu trang của N tổng cộng 300 thùng khẩu trang với giá 9.000.000 đồng/thùng, đã đặt cọc cho N tổng số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N hẹn từ hai đến ba ngày sau sẽ giao hàng nhưng sau đó không thực hiện, cắt liên lạc với ông K. Ông K đã đến nhà của N để tìm thì được gia đình báo biết N đã bỏ đi đâu không rõ.

3. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Diễm T2 (sinh năm 1978) và ông Nguyễn Ngọc H4 (sinh năm 1981):

Khoảng đầu tháng 3/2020, bà T2 truy cập trên mạng xã hội Facebook thì thấy Ngô Hồng N quảng cáo bán khẩu trang y tế giá rẻ với số lượng lớn nên đã liên hệ với N để mua khẩu trang. Ngày 15/3/2020, bà T2 bận việc nên kêu chồng là ông Nguyễn Ngọc H4 đến nhà N tại địa chỉ số C N, Phường E, quận G để gặp N và bàn bạc việc mua bán khẩu trang y tế. Tại đây, ông H4 và N đã thỏa thuận việc mua bán khẩu trang y tế của hãng K1 loại 4 lớp giấy kháng khuẩn với giá 11.000.000 đồng/thùng, đặt cọc 50% giá trị lô hàng và hẹn trong ba ngày sẽ giao hàng. Sau khi thỏa thuận xong thì ông H4 đặt cọc cho N 10.000.000 đồng, đồng thời điện thoại thông báo cho bà T2 biết và nói N có đủ hàng để giao. Nghe vậy, bà T2 đồng ý mua 20 thùng khẩu trang K và chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho N và N đã giao đủ hàng. Sau đó, do nhiều người quen có nhu cầu mua khẩu trang để sử dụng và thấy N giao hàng đầy đủ nên vợ chồng bà T2 tin tưởng nên vào ngày 19/3/2020, tiếp tục đặt mua của N thêm tổng cộng 80 thùng khẩu trang với giá là 880.000.000 đồng và vợ chồng bà T2 đã chuyển khoản và đưa tiền

mặt cho N tổng cộng 415.000.000 đồng để đặt cọc. Sau khi nhận tiền, N hẹn ngày 20/3/2020 sẽ giao đủ hàng nhưng sau đó chỉ giao 10 thùng khẩu trang. Do không nhận được hàng nên bà T2 yêu cầu trả lại cọc thì N hẹn đến ngày 22/3/2020 sẽ giao nhưng sau đó cắt đứt liên lạc với bà T2 và sau đó bà T2 đến nhà N thì được gia đình cho biết N đã bỏ đi đâu không rõ.

4. Bà Bùi Thị Phương N3 (sinh năm 1980):

Thông qua mạng xã hội Facebook, Ngô Hồng N giới thiệu có nguồn khẩu trang y tế giá rẻ cần bán nên bà N3 đã nhắn tin trao đổi và hẹn gặp N tại nhà 3 N, Phường E, quận G. Tại đây, N đã cho bà N3 xem mẫu khẩu trang y tế kháng khuẩn 4 lớp nhãn hiệu Khánh An nên bà N3 đồng ý mua 70 thùng với giá 770.000.000 đồng, N yêu cầu bà N3 đặt cọc trước giá trị lô hàng thì bà N3 đồng ý, ngày 16/3/2020 đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho N tổng cộng 467.000.000 đồng và sau khi nhận tiền, N hẹn đến ngày 20/3/2020 sẽ giao hàng cho bà N3 nhưng không thực hiện mà cắt đứt liên lạc rồi bỏ trốn. Quá trình điều tra, bà Bùi Thị Phương N3 làm đơn tố cáo Ngô Hồng N có hành vi nhận tiền đặt cọc 467.000.000 đồng hứa bán khẩu trang y tế, nhưng sau đó không giao hàng và bỏ trốn chiếm đoạt tiền đặt cọc của bà N3. Nhưng sau đó bà N3 lại rút đơn tố cáo và bãi nại cho Ngô Hồng N (do bà hiện nay công việc của bà N3 bận rộn nên không thể tham gia tố tụng). Việc rút đơn tố cáo và bãi nại là do bà N3 hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc.

Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho bà G và ông D1 số tiền 120.000.000 đồng và 02 chiếc xe mô tô Honda SH Mode và V trị giá khoảng 70.000.000 đồng; khắc phục cho ông K số tiền 300.000.000 đồng; giao cho bà T2, ông H4 10 thùng khẩu trang tương ứng số tiền 110.000.000 đồng. Do vậy, số tiền bà G, ông D1 yêu cầu bị cáo bồi thường là 888.000.000 đồng, ông K yêu cầu bồi thường 1.200.000.000 đồng, bà T2 và ông H4 yêu cầu bồi thường 305.000.000 đồng

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Ngô Hồng N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 453/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Ngô Hồng N 13 năm (mười ba năm) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 12 năm (mười hai năm) tù tại Bản án số 106/2021/HSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Ngô Hồng N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 25 năm (hai mươi lăm năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2020.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc Ngô Hồng N bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hương G và ông Nguyễn Văn D1 số tiền 888.000.000 đồng (tám trăm tám mươi tám triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Ngô Hồng N bồi thường cho ông Đặng Minh K số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Ngô Hồng N bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm T2 và ông Nguyễn Ngọc H4 số tiền 305.000.000 đồng (ba trăm lẻ năm triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngô Hồng N chưa bồi thường số tiền như đã nêu ở trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, bị cáo Ngô Hồng N có đơn kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ngô Hồng N giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra lại số tiền vì bị cáo không chiếm đoạt, bị cáo có mua hàng mà chưa được điều tra làm rõ số tiền này. Ngoài ra, trong vụ án thì chồng của bị cáo đồng phạm với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Bị cáo giữ nguyên lời khai có đồng phạm là chồng bị cáo tham gia. Cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tuy nhiên cơ quan điều tra xác định lời trình bày của bị cáo là không có căn cứ. Về nhân thân, trước đó bị cáo đã có một lần phạm tội, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tương tự. Toà án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, từ đó xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 với mức án 13 năm tù là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: không tranh luận về tội danh. Quá trình truy tố điều tra xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trình độ học vấn của bị cáo là thấp, nhận thức về pháp luật hạn chế. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua quá trình điều tra đã xác định:

Khoảng tháng 3/2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp dẫn đến nhu cầu sử dụng mặt hàng khẩu trang y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương trên cả nước tăng cao nên Ngô Hồng N đã liên hệ với người tên M qua mạng xã hội Facebook, để mua khẩu trang y tế của các hãng Minh A, K, rồi bán lại trên các trang mạng xã hội Facebook và Z với giá từ 7.000.000 đồng/thùng đến 11.000.000 đồng/thùng để kiếm lời. Theo đó sau khi thỏa thuận xong số lượng và giá cả thì người mua sẽ đặt cọc 50% trị giá đơn hàng và khoảng 07 đến 10 ngày sau sẽ giao hàng và thanh toán 50% trị giá đơn hàng còn lại.

Thời gian đầu, N giao hàng đầy đủ nên tạo được niềm tin của khách hàng, tuy vậy từ ngày 08/3/2020 đến ngày 10/3/2020, giá khẩu trang y tế tăng lên từ 15.000.000 đồng/thùng đến 17.000.000 đồng/thùng, nhưng N không thông báo cho người mua biết việc khẩu trang tăng giá mà vẫn rao bán với giá cũ để người mua đặt cọc, chiếm đoạt tiền cọc của khách hàng rồi bỏ trốn. Cụ thể như sau: Ngô Hồng N đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Văn D1 số tiền 1.078.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Đặng Minh K số tiền 1.500.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Diễm T2 và ông Nguyễn

Ngọc H4 305.000.000 đồng. Tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt của 03 khách hàng là 2.883.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Ngô Hồng N đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Khi lượng hình Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho bị cáo như:

[2.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại, nên đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo có trình độ học vấn 8/12 và có 02 con nhỏ sinh năm 2014 và 2016 đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, các lý do của bị cáo nêu để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ, bởi lẽ các vấn đề này cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá đầy đủ. Hơn nữa, bị cáo cũng không trình bày được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo Ngô Hồng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Hồng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Xử phạt bị cáo Ngô Hồng N 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 12 năm (mười hai năm) tù tại Bản án số 106/2021/HSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Ngô Hồng N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 25 năm (hai mươi lăm năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Ngô Hồng N theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Về án phí: Bị cáo Ngô Hồng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp